

Số: 258/2020/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày 08 tháng 12 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Quy định chức danh, số lượng, mức khoán chi phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; mức bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 18**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Pháp lệnh Công an xã số 06/2008/PL-UBTVQH12 ngày 21 tháng 11 năm 2008 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ các nghị định của Chính phủ: Số 38/2006/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2006 về Bảo vệ dân phố; Số 73/2009/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2009 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh công an xã; Số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; Số 72/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ;

Căn cứ Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản;

Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Xét Tờ trình số 445/TTr-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua Nghị quyết quy định chức danh, số lượng, mức

khoán chi phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; mức bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố; Báo cáo thẩm tra của các ban Hội đồng nhân dân và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chức danh, số lượng, mức khoán chi phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, tổ dân phố; mức bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ, công chức cấp xã.
2. Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã.
3. Những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.
4. Những người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố.
5. Cơ quan quản lý nhà nước liên quan.

Điều 3. Quy định chức danh, số lượng và mức khoán chi phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã

1. Chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã gồm:
 - a) Khối công tác Đảng gồm: Văn phòng - Tổ chức - Kiểm tra - Tuyên giáo - Dân vận;
 - b) Khối công tác Mặt trận, tổ chức đoàn thể, hội gồm: Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam, Phó các đoàn thể: Phụ nữ, Nông dân, Đoàn thanh niên, Cựu chiến binh; Chủ tịch Hội người cao tuổi; Chủ tịch Hội chữ thập đỏ - Bảo trợ xã hội;
 - c) Khối công tác chính quyền: Đối với các xã, thị trấn, gồm: Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự; Phụ trách lâm, ngư, diêm nghiệp, thủy lợi, phụ trách chăn nuôi, thú y, bảo vệ thực vật, khuyến nông; Phụ trách trạm truyền thanh cơ sở; các chức danh khác thực hiện nhiệm vụ theo tính chất đặc thù của địa phương (nếu có). Đối với các phường gồm: Chỉ huy phó Ban chỉ huy quân sự; Trưởng Ban bảo vệ dân phố; Phó Trưởng Ban bảo vệ dân phố; Phụ trách lâm, ngư, diêm nghiệp, thủy lợi, phụ trách chăn nuôi, thú y, bảo vệ thực vật, khuyến nông; Phụ trách trạm truyền thanh cơ sở; các chức danh khác thực hiện nhiệm vụ theo tính chất đặc thù của địa phương (nếu có).

2. Số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã:

a) Mỗi xã, phường, thị trấn bố trí không quá 08 người; trong trường hợp cụ thể, không thể bố trí kiêm nhiệm thì bố trí tối đa không quá 09 người;

b) Riêng đối với các đơn vị hành chính cấp xã mới sau sắp xếp: Sau khi thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã, số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã ở đơn vị hành chính mới để số lượng theo quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP. Chậm nhất là 05 năm kể từ ngày nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đối với từng đơn vị hành chính có hiệu lực thi hành thì số lượng người hoạt động không chuyên trách cấp xã ở đơn vị hành chính mới phải đảm bảo số lượng theo quy định tại điểm a khoản này.

3. Mức khoán chi phụ cấp:

Thực hiện khoán quỹ phụ cấp, bao gồm cả hỗ trợ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế để chi trả hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo Quyết định phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn như sau: Loại 1 được khoán quỹ phụ cấp bằng 16,0 lần mức lương cơ sở; Loại 2 được khoán quỹ phụ cấp bằng 13,7 lần mức lương cơ sở; Loại 3 được khoán quỹ phụ cấp bằng 11,4 lần mức lương cơ sở.

Điều 4. Quy định chức danh, số lượng và mức khoán chi phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; mức bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố

1. Đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố:

a) Chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 2 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ;

b) Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố: Mỗi thôn, tổ dân phố bố trí không quá 02 người (khuyến khích bí thư kiêm thôn trưởng hoặc tổ trưởng tổ dân phố; nơi không đủ điều kiện thì bí thư kiêm trưởng ban công tác mặt trận);

c) Thực hiện khoán quỹ phụ cấp để chi trả hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố như sau: Thôn, tổ dân phố loại 1 được khoán quỹ phụ cấp bằng 3,6 lần mức lương cơ sở; Thôn, tổ dân phố loại 2 được khoán quỹ phụ cấp bằng 3,3 lần mức lương cơ sở; Thôn, tổ dân phố loại 3 được khoán quỹ phụ cấp bằng 3,0 lần mức lương cơ sở.

2. Đối với người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố:

a) Chi trả phụ cấp đối với các chức danh được quy định tại các văn bản pháp luật chuyên ngành, cụ thể như sau: Chức danh Thôn đội trưởng: Bằng 0,5 mức lương cơ sở/người/tháng và hưởng chế độ phụ cấp chức vụ chỉ huy dân quân tự vệ theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 72/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Chức danh Nhân viên y tế thôn, bản kiêm cộng tác viên dân số, y tế và

gia đình (chỉ áp dụng đối với các thôn, bản): Bằng 0,5 mức lương cơ sở/tháng tại các xã vùng khó khăn và 0,3 mức lương cơ sở/tháng tại các xã còn lại.

b) Hỗ trợ bồi dưỡng đặc thù theo chính sách của tỉnh đối với chức danh Công an viên thôn, Bảo vệ dân phố: Bằng 0,5 lần mức lương cơ sở.

c) Những người trực tiếp tham gia công việc của thôn, tổ dân phố khi có nhu cầu công việc (ngoài các chức danh được quy định tại điểm a khoản 1 và điểm a, b khoản 2 Điều này) được hỗ trợ mức bồi dưỡng hàng năm cho thôn, tổ dân phố để trả mức bồi dưỡng theo nhiệm vụ khi cần như sau: Thôn, tổ dân phố loại 1 được hỗ trợ 25 triệu đồng/thôn, tổ dân phố/năm; thôn, tổ dân phố loại 2 được hỗ trợ 22 triệu đồng/thôn, tổ dân phố/năm; thôn, tổ dân phố loại 3 được hỗ trợ 20 triệu đồng/thôn, tổ dân phố/năm.

d) Mức chi bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia công việc và các hoạt động khác của thôn, tổ dân phố (ngoài các chức danh được quy định tại điểm a khoản 1 và điểm a, b khoản 2 Điều này) đảm bảo theo mức: Từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng/01 người/01 ngày huy động trực tiếp tham gia (tùy theo tính chất công việc và tình hình thực tiễn địa phương) và tổng chi hỗ trợ bồi dưỡng không được vượt quá mức khoán bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố được quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.

Điều 5. Nguyên tắc, đối tượng, mức phụ cấp kiêm nhiệm

1. Cán bộ, công chức cấp xã hoặc người hoạt động không chuyên trách cấp xã kiêm nhiệm nhiệm vụ của người hoạt động không chuyên trách cấp xã để giảm được 01 người trong số lượng quy định tối đa tại điểm a khoản 2 Điều 3 Nghị quyết này thì được hưởng mức phụ cấp kiêm nhiệm như sau: Được hưởng mức khoán nhiệm vụ của người hoạt động không chuyên trách cấp xã mà người đó kiêm nhiệm.

2. Người hoạt động không chuyên trách cấp xã hoặc người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố kiêm nhiệm nhiệm vụ của người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố để giảm được 01 người trong số lượng quy định tối đa tại điểm b khoản 1 Điều 4 Nghị quyết này thì được hưởng mức phụ cấp kiêm nhiệm như sau: Được hưởng mức khoán nhiệm vụ của người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố mà người đó kiêm nhiệm nhưng tổng phụ cấp kiêm nhiệm không được quá 1,8 lần mức lương cơ sở.

Điều 6. Nguồn kinh phí thực hiện

Thực hiện từ nguồn ngân sách trung ương theo quy định tại Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ, Nghị định số 38/2006/NĐ-CP; Nghị định số 73/2009/NĐ-CP, Nghị định số 34/2019/NĐ-CP, Nghị định số 72/2020/NĐ-CP của Chính phủ và nguồn ngân sách cấp tỉnh.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn các nội dung liên quan để tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.


2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết số 156/2019/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định số lượng cán bộ, công chức cấp xã, phường, thị trấn; chức danh, số lượng, mức khoán chi phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, tổ dân phố; mức bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực.

2. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh khóa XVII, Kỳ họp thứ 18 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu UBTWQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Kiểm toán nhà nước khu vực II;
- Bộ Tư lệnh Quân khu IV;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đoàn Hà Tĩnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm Thông tin - Công báo - Tin học;
- Trang thông tin điện tử tỉnh; 
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Hoàng Trung Dũng